



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-37
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05-08
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14-37

36

NG
PH
G K
W



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phổ Wall (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phổ Wall được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó Chủ tịch thường trực	
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/04/2016
Ông Nguyễn Văn Thư	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2016
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên	
Ông Phạm Đức Long	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Ông Trịnh Công Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thơm	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9 , Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016



Số: 1771 /2016/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 09 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of HLB International

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		488.071.765.804	469.412.481.402
110	I. Tài sản tài chính		477.804.432.049	457.431.984.067
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	47.308.485.290	43.866.887.805
111.1	1.1 Tiền		2.908.485.290	7.466.887.805
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		44.400.000.000	36.400.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.902.152	83.185.745.490
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	303.700.000.000	190.500.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	21.685.918.537	42.984.984.569
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	102.780.308.432	102.780.308.432
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(149.154.280)	(7.030.981.608)
117	7. Các khoản phải thu	7	1.954.698.198	786.682.388
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		407.764.000	65.761.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.546.934.198	720.921.388
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		5.000.000	-
117.4	7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.541.934.198	720.921.388
118	8. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	82.767.361
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	532.060.204	264.094.762
122	10. Các khoản phải thu khác	7	40.213.516	61.494.868
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(50.000.000)	(50.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		10.267.333.755	11.980.497.335
131	1. Tạm ứng		210.791.000	122.741.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	259.954.283	26.937.578
135	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	9.796.588.472	11.830.818.757
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.660.676.898	61.946.296.971
220	II. Tài sản cố định		1.154.679.377	1.425.444.034
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.013.798.194	1.385.582.922
222	- Nguyên giá		9.484.905.668	9.484.905.668
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.471.107.474)	(8.099.322.746)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	140.881.183	39.861.112
228	- Nguyên giá		2.510.299.300	2.350.299.300
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.369.418.117)	(2.310.438.188)
250	V. Tài sản dài hạn khác		60.505.997.521	60.520.852.937
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		259.978.625	259.978.625
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	12.789.841.969	13.031.991.825
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	3.456.176.927	3.228.882.487
255	4. Tài sản dài hạn khác	14	44.000.000.000	44.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		549.732.442.702	531.358.778.373

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9 , Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.752.880.833	4.339.603.438
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		5.662.880.833	4.249.603.438
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	2.000.000.000	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		2.000.000.000	-
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		132.856.539	511.991.556
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		963.636.364	1.119.545.454
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	188.072.438	625.155.103
323	5. Phải trả người lao động		448.640.077	91.338.127
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		53.269.819	550.000
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	322.480.311	300.432.306
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	1.102.193.751	1.148.859.358
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		451.731.534	451.731.534
340	II. Nợ phải trả dài hạn		90.000.000	90.000.000
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		90.000.000	90.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		543.979.561.869	527.019.174.935
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	543.979.561.869	527.019.174.935
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1a	a. Vốn pháp định		503.000.000.000	503.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.353.605.115	8.353.605.115
417	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.625.956.754	15.665.569.820
417.1	3.1 Lợi nhuận đã thực hiện		32.626.127.987	15.665.569.820
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(171.233)	-
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		543.979.561.869	527.019.174.935
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		549.732.442.702	531.358.778.373

01001
C
TRÁCH
HÃNG
HOA

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
005	1. Ngoại tệ các loại	20	858,46	878,23
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		50.300.000	50.300.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	23	211.220.000	90.948.720.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		820.000	90.843.020.000
008.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		210.400.000	105.700.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	24	330.000	330.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Số lượng chứng khoán				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	25	595.790.210.000	1.193.318.090.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		591.000.560.000	978.112.310.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		-	75.729.880.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.572.000.000	130.272.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		3.217.650.000	9.203.900.000
024.b	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	26	1.706.240.000	1.706.240.000



110
NG T
NIỆM
KIỂM
AS
KIỂM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
	Đồng Việt Nam			
026	1. Tiền gửi của khách hàng	27	8.909.242.269	13.619.072.446
027	1.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		8.359.882.870	13.078.544.067
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.358.922.870	13.078.544.067
027.2	b. Tiền của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý		960.000	-
030	1.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		549.359.399	540.528.379
031	1. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28	8.358.922.870	13.078.544.067
031.1	1.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.239.352.774	12.986.445.124
031.2	1.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		119.570.096	92.098.943
032	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý	28	960.000	-
032.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý		960.000	-
033	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		548.009.760	540.000.000
035	4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	29	1.349.639	528.379

Vũ Thị Yên

Vũ Thị Yên
Người lập

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa

Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	4.337.678.119	12.848.256.738
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	31.a) 4.332.641.119	674.550.438
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	31.b) 5.037.000	12.173.706.300
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	31.b) 8.850.116.400	5.049.160.301
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	31.b) 1.410.854.521	249.377.001
04	1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	31.b) 3.247.539.050	47.500.000
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.899.509.082	3.429.531.343
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	236.764.170	-
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	199.758.843	246.952.558
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.211.358.181	3.641.363.638
20	Cộng doanh thu hoạt động		21.393.578.366	25.512.141.579
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.634.055.457	2.543.256.699
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	31.a) 1.634.055.457	2.543.256.699
23	2.3	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	-	391.315.825
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	(6.881.827.328)	4.981.282.526
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	362.693.918	230.686.832
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.153.390.078	2.383.822.677
28	2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3.250.000	-
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	176.754.484	106.879.434
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	728.183.463	1.267.043.802
40	Cộng chi phí hoạt động		(1.823.499.928)	11.904.287.795
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 32				
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	18.522	29.404
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	61.834.255	45.137.739
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		61.852.777	45.167.143

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	33		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		189.755	1.207.093
52	4.2 Chi phí lãi vay		159.196.476	-
60	Cộng chi phí tài chính		159.386.231	1.207.093
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	34	4.244.737.252	5.257.096.148
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		18.874.807.588	8.394.717.686
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	35	280.015.000	180.000.000
72	8.2 Chi phí khác	36	22.459.896	257.459.900
80	Cộng kết quả hoạt động khác		257.555.104	(77.459.900)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		19.132.362.692	8.317.257.786
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		19.132.533.925	8.317.257.786
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(171.233)	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	37	2.171.975.758	-
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.171.975.758	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		16.960.386.934	8.317.257.786
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	38	337	165

Vũ Thị Yến

Vũ Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa

Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆKỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(340.923.431.000)	(342.705.310.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		313.263.857.000	296.868.689.000
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(227.294.440)	-
04	4. Cổ tức đã nhận		3.244.467.000	73.856.600
05	5. Tiền lãi đã thu		9.439.958.111	4.584.345.298
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của công ty chứng khoán		(100.635.366)	
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(3.959.265.419)	(3.657.004.344)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(3.162.439.207)	(3.099.756.904)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(1.210.096.476)	(1.443.975.976)
10	10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính (chi phí giao dịch, phí chuyển tiền)		-	(1.855.510.821)
11	11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		278.129.750.647	177.121.575.552
12	12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(253.053.273.365)	(138.133.218.144)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.441.597.485	(12.246.309.739)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay gốc		43.805.877.757	-
33	3.2 Tiền vay khác		43.805.877.757	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(41.805.877.757)	-
34	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(41.805.877.757)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.000.000.000	-
50	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		3.441.597.485	(12.246.309.739)
60	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		43.866.887.805	48.577.019.519
62	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		7.467.443.572	9.258.116.603
63	Các khoản tương đương tiền		36.400.000.000	39.300.000.000
64	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(555.767)	18.902.916
70	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		47.308.485.290	36.330.709.780
72	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		2.908.656.523	19.931.887.468
73	Các khoản tương đương tiền		44.400.000.000	16.400.000.000
74	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(171.233)	(1.177.688)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2016	năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		498.441.035.050	362.720.619.000
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(467.724.580.950)	(284.183.973.500)
09	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(35.435.115.297)	(67.854.534.457)
14	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		364.309.991.036	224.098.474.909
15	5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(364.301.160.016)	(228.284.082.209)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		(4.709.830.177)	6.496.503.743
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		13.619.072.446	11.141.696.114
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		13.619.072.446	11.141.696.114
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		13.078.544.067	6.904.103.414
36	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		540.528.379	4.237.592.700
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		8.909.242.269	17.638.199.857
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		8.909.242.269	17.638.199.857
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		8.358.922.870	17.586.214.457
43	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại quản lý		960.000	-
46	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		549.359.399	51.985.400




Vũ Thị Yến
Người lập



Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng




Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2016		30/06/2015	30/06/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000	-	-	-	-	503.000.000.000	503.000.000.000
1.1 Vốn pháp định		503.000.000.000	503.000.000.000	-	-	-	-	503.000.000.000	503.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.353.605.115	8.353.605.115	-	-	-	-	8.353.605.115	8.353.605.115
3. Lợi nhuận chưa phân phối		8.687.837.258	15.665.569.820	8.317.257.786	-	16.960.386.934	-	17.005.095.044	32.625.956.754
3.1 Lợi nhuận đã thực hiện		8.687.837.258	15.665.569.820	8.317.257.786	-	16.960.558.167	-	17.005.095.044	32.626.127.987
3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	(171.233)	-	-	(171.233)
CỘNG		520.041.442.373	527.019.174.935	8.317.257.786	-	16.960.386.934	-	528.358.700.159	543.979.561.869

Signature

Vũ Thị Yên
Người lập

Signature

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Signature
Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 27/04/2013 và sửa đổi, bổ sung ngày 23/04/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 503.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 503.000.000.000 đồng; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 30 tháng 01 năm 2008 với mã giao dịch là WSS.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010).

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 theo quy định của Thông tư 210 khi so sánh với số liệu kỳ này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) *Nguyên tắc phân loại*

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Năm 2016 Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.13 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9 , Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;

2.16 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u>
		VND
Của Công ty Chứng khoán	9.621.540	95.630.983.000
- Cổ phiếu	9.621.540	95.630.983.000
Của nhà đầu tư	79.379.410	957.514.455.500
- Cổ phiếu	79.379.410	957.514.455.500
	<u>89.000.950</u>	<u>1.053.145.438.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	63.564.782	82.811.768
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	2.844.920.508	7.384.076.037
Các khoản tương đương tiền	44.400.000.000	36.400.000.000
	47.308.485.290	43.866.887.805

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2016	01/01/2016
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	1.242.152	77.164.085.490
Cổ phiếu Upcom	147.000	6.021.147.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	513.000	513.000
	1.902.152	83.185.745.490

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2016	01/01/2016
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	102.780.308.432	102.780.308.432
	102.780.308.432	102.780.308.432

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	303.700.000.000	190.500.000.000
	303.700.000.000	190.500.000.000

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á với lãi suất 6,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**d) Các khoản cho vay**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hoạt động margin (*)	18.136.097.980	36.565.450.463
Hoạt động ứng trước tiền bán	3.549.820.557	6.419.534.106
	21.685.918.537	42.984.984.569

(*) Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu giao dịch ký quỹ tại ngày 30/06/2016 với tổng giá trị tài sản cầm cố tính theo giá thị trường tại ngày 30/06/2016 có tính đến tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Dư nợ vay	Tài sản đảm bảo sau khấu trừ	Tỷ lệ dự phòng	Mức trích lập dự phòng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	12.159.273.010	24.957.818.062	0%	-
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	3.971.735	6.370.000	5%	-
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	5.972.853.235	15.182.197.660	20%	-
Tổng cộng	18.136.097.980	40.146.385.722		-

Tại ngày 30/06/2016, Công ty đã lập dự phòng suy giảm các khoản cho vay (dự phòng chung) theo hướng dẫn tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính với số tiền: 136.020.735 đồng, tuy nhiên Công ty chưa có chấp thuận của UBCK về việc đáp ứng các điều kiện về việc phân loại nợ, cam kết theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này	
	Số lượng	Giá sổ sách	Giá thị trường			Giá trị dự phòng
		VND	VND			VND
FVTPL		1.902.152	1.210.800	(977.952)	(7.018.826.015)	7.017.848.063
Cổ phiếu niêm yết		1.242.152	971.400	(524.352)	(6.376.073.015)	6.375.548.663
- ASM	-	-	-	-	-	-
- PIT	6	68.000	45.600	(22.400)	(23.600)	1.200
- REE	4	121.189	82.000	(39.189)	(20.389)	(18.800)
- TCR	6	52.800	64.200	-	(17.400)	17.400
- ITC	15	480.000	138.000	(342.000)	(354.000)	12.000
- VHG	10	49.000	43.000	(6.000)	-	(6.000)
- DIC	9	85.411	64.800	(20.611)	(25.145)	4.534
- TCM	2	35.800	50.400	-	-	-
- SFC	2	93.000	50.200	(42.800)	(45.800)	3.000
- SAM	-	-	-	-	(6.136.610.058)	6.136.610.058
- SJS	-	-	-	-	(64.370.898)	64.370.898
- TNA	3	60.300	192.000	-	-	-
- HT1	7	108.500	204.400	-	-	-
- HAI	8	88.152	36.800	(51.352)	(174.605.725)	174.554.373
Cổ phiếu Upcom		147.000	180.000	-	(642.240.000)	642.240.000
- HBD	10	147.000	180.000	-	-	-
- PHH	-	-	-	-	(642.240.000)	642.240.000
Cổ phiếu hủy niêm yết			59.400	(453.600)	(513.000)	59.400
- CIC	33	513.000	59.400	(453.600)	(513.000)	59.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Số lượng	Giá sổ sách	Giá thị trường		
		VND	VND	VND	VND
AFS		102.780.308.432	13.987.844.407	(12.155.593)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết		102.780.308.432	13.987.844.407	(12.155.593)	-
- Công ty CP Điện máy	100.000	3.000.000.000	-	-	-
- Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	926.980	25.569.800.000	-	-	-
- Công ty CP Khu nghỉ dưỡng và Sân Golf Đầm Vạc	39.195	9.210.508.432	-	-	-
- Công ty CP Thực phẩm Hà Nội	1.700.000	51.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	1.400.000	14.000.000.000	13.987.844.407	(12.155.593)	-
		102.782.210.584	13.989.055.207	(7.030.981.608)	7.017.848.063

Ghi chú:

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết thuộc tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng. Riêng đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall Công ty trích lập dự phòng dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 lập ngày 02/03/2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	136.020.735	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.155.593	12.155.593
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	977.952	7.018.826.015
Tại ngày 30/06	149.154.280	7.030.981.608

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	407.764.000	65.761.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	996.203.889	720.921.388
Phải thu lãi hoạt động Margin	547.673.809	-
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	3.056.500	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	532.060.204	264.094.762
- Phải thu Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (phí môi giới, phí lưu ký và thuế)	82.735.884	106.528.612
- Phải thu khách hàng dịch vụ tư vấn	212.560.150	157.566.150
- Phải thu khách hàng dịch vụ nhận ủy thác, đấu giá	236.764.170	-
Phải thu khác	40.213.516	61.494.868
	2.526.971.918	1.112.272.018

8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tại ngày 01/01	50.000.000	35.000.000
Trích lập/hoàn nhập	-	15.000.000
Tại ngày 30/06	50.000.000	50.000.000

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phí dịch vụ trả Sở GDCK Hà Nội, Hồ Chí Minh và TTLK chờ phân bổ	233.229.283	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.725.000	7.604.248
Chi phí đồng phục chờ phân bổ	-	19.333.330
	259.954.283	26.937.578

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền thuê nhà tầng 9 tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	12.645.750.142	12.876.766.185
Chi phí trả trước dài hạn khác	144.091.827	155.225.640
	12.789.841.969	13.031.991.825

(*) Chi phí thuê 720 m2 tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê từ ngày 01/09/2012 đến 15/10/2043.

Sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng khác	33.000.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp	105.132.470	386.997
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	9.658.456.002	11.830.431.760
	9.796.588.472	11.830.818.757

110011
CÓN
RÁCH NHIẾ
HÀNG KI
AA
OÀN KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	2.780.606.468	4.706.921.952	1.997.377.248	9.484.905.668
Tại ngày 30/06/2016	2.780.606.468	4.706.921.952	1.997.377.248	9.484.905.668
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	2.751.283.488	3.350.662.010	1.997.377.248	8.099.322.746
Khấu hao trong kỳ	29.322.980	342.461.748	-	371.784.728
Tại ngày 30/06/2016	2.780.606.468	3.693.123.758	1.997.377.248	8.471.107.474
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	29.322.980	1.356.259.942	-	1.385.582.922
Tại ngày 30/06/2016	-	1.013.798.194	-	1.013.798.194

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.671.613.516 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán... có nguyên giá tại ngày 30/06/2016 là 2.510.299.300 đồng (trong đó Tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ là phần mềm kế toán với nguyên giá là 160.000.000 đồng), hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2016 là 2.369.418.117 đồng, trong đó khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2016 là 58.979.929 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	1.863.956.667	1.863.956.667
Tiền nộp bổ sung	604.423.692	604.423.692
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	987.796.568	760.502.128
Số dư cuối kỳ	3.456.176.927	3.228.882.487

14 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ứng trước cho nhà cung cấp dài hạn	44.000.000.000	44.000.000.000
Số dư cuối kỳ	44.000.000.000	44.000.000.000

Đây là khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Phố Wall để đầu tư Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Căn hộ ở tại 52 Ngọc Lâm - Quận Long Biên, Hà Nội. Trung tâm này sẽ được sử dụng cho hoạt động Văn phòng và kinh doanh chứng khoán của Công ty với thời hạn bàn giao nhà là 36 tháng kể từ ngày 28/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**15 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2016	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	-	43.805.877.757	(41.805.877.757)	2.000.000.000
	-	43.805.877.757	(41.805.877.757)	2.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn cuối kỳ:

Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu theo hợp đồng tín dụng số 81927/2016/HĐTD-BacABank ngày 25/02/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 2.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân vốn lần đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: 8,3%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo là 01 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 120001000021916 đã ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall với Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hàng Đậu, tổng giá trị: 2.200.000.000 đồng.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	16.661.954	-
Thuế Thu nhập cá nhân	171.410.484	625.155.103
	188.072.438	625.155.103

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước phí dịch vụ tòa nhà ICON 4	121.854.545	30.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	58.561.110	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	142.064.656	270.432.306
	322.480.311	300.432.306

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư	1.098.600.796	1.098.600.796
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.592.955	50.258.562
	1.102.193.751	1.148.859.358

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9 , Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Ông Nguyễn Đình Tú	22,47%	113.000.000.000	22,47%	113.000.000.000
Bà Phạm Diễm Hoa	5,81%	29.200.000.000	5,81%	29.200.000.000
Bà Vũ Thị Yến	5,02%	25.244.170.000	4,90%	24.660.170.000
Vốn góp của cổ đông khác	66,70%	335.555.830.000	66,82%	336.139.830.000
	100%	503.000.000.000	100%	503.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	32.626.127.987	15.665.569.820
Lợi nhuận chưa thực hiện	(171.233)	-
	32.625.956.754	15.665.569.820

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	15.665.569.820	8.687.837.258
Lỗ chưa thực hiện tính đến 30/06/2016	(171.233)	-
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ 01/01	16.960.558.167	8.317.257.786
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 30/06	32.625.956.754	17.005.095.044
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến 30/06	32.625.956.754	17.005.095.044

20 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

	30/06/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
- USD	85,39	85,36
- EURO	773,07	792,87

21 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Loại <= 1 năm	211.220.000	90.948.720.000
	211.220.000	90.948.720.000

22 . CHỨNG KHOÁN CHƯA NIÊM YẾT CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Loại <= 1 năm	330.000	330.000
	330.000	330.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	820.000	90.843.020.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	210.400.000	105.700.000
	211.220.000	90.948.720.000

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	330.000	330.000
	330.000	330.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	591.000.560.000	978.112.310.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	75.729.880.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.572.000.000	130.272.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.217.650.000	9.203.900.000
	595.790.210.000	1.193.318.090.000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	1.706.240.000	1.706.240.000
	1.706.240.000	1.706.240.000

27 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	8.359.882.870	13.078.544.067
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.358.922.870	13.078.544.067
1.1. Nhà đầu tư trong nước	8.239.352.774	12.986.062.728
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	119.570.096	92.481.339
2. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	960.000	-
2.1. Nhà đầu tư trong nước	960.000	-
Tiền gửi của tổ chức phát hành	549.359.399	540.528.379
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	548.009.760	540.000.000
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.349.639	528.379
	8.909.242.269	13.619.072.446

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**28 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.358.922.870	13.078.544.067
1.1. Nhà đầu tư trong nước	8.239.352.774	12.986.062.728
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	119.570.096	92.481.339
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	960.000	-
2.1. Nhà đầu tư trong nước	960.000	-
2.2. Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
	8.359.882.870	13.078.544.067

29 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.349.639	528.379
	1.349.639	528.379

30 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	18.683.771.789	36.565.450.463
1.1 Phải trả gốc margin	18.136.097.980	36.565.450.463
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	18.136.097.980	36.565.450.463
1.2 Phải trả lãi margin	547.673.809	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	547.673.809	-
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.552.877.057	6.419.534.106
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.549.820.557	6.419.534.106
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	3.549.820.557	6.419.534.106
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.056.500	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	3.056.500	-
	40.920.420.635	42.984.984.569

PHỐ WALL
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

31 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết		90.756.706.000	88.058.120.338	4.332.641.119	1.634.055.457	674.550.438	2.543.256.699
- Sàn Hà Nội	11.000	215.630.000	201.500.000	14.130.000	-	269.282.157	-
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	8.539.080	84.760.916.000	81.835.620.338	4.318.511.119	1.393.215.457	405.268.281	2.543.256.699
- Sàn Upcom	802.800	5.780.160.000	6.021.000.000	-	240.840.000	-	-
		90.756.706.000	88.058.120.338	4.332.641.119	1.634.055.457	674.550.438	2.543.256.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÓ WALLTầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**b) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	5.037.000	12.173.706.300
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	8.850.116.400	5.049.160.301
Từ các khoản cho vay	1.410.854.521	249.377.001
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.247.539.050	47.500.000
	13.513.546.971	17.519.743.602

32 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.522	29.404
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.522	29.404
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	61.834.255	45.137.739
	61.852.777	45.167.143

33 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	189.755	1.207.093
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.755	1.207.093
Chi phí lãi vay	159.196.476	-
	159.386.231	1.207.093

34 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.600.063.935	1.823.218.694
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	109.475.200	94.829.900
Chi phí vật tư văn phòng	9.983.546	67.427.651
Chi phí công cụ, dụng cụ	278.244.733	464.238.807
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	398.092.005	409.128.030
Chi phí thuế, phí và lệ phí	254.641.340	221.027.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	837.921.354	1.144.337.221
Chi phí khác	756.315.139	1.032.888.778
	4.244.737.252	5.257.096.148

010011
CƠ
TRÁCH NH
HÃNG I
A
HOÀN I

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

35 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	180.000.000	180.000.000
Tiền thưởng thu được	50.000.000	-
Xử lý công nợ không phải trả	50.015.000	-
	280.015.000	180.000.000

36 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí cho thuê văn phòng	22.459.896	22.459.900
Các khoản bị phạt	-	125.000.000
Chi ủng hộ	-	110.000.000
	22.459.896	257.459.900

37 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.132.362.692	8.317.257.786
Các khoản điều chỉnh tăng	308.747.171	276.135.083
- Chi phí khấu hao xe ô tô Mercedes Ben S500 trên 1,6 tỷ	253.557.416	120.224.083
- Chi phí có hóa đơn không hợp lý, hợp lệ	-	20.911.000
- Ủng hộ Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam	-	10.000.000
- Chi phí phạt hành chính	-	125.000.000
- Thu nhập HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	55.000.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.755	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.581.231.072)	(12.889.535.013)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.249.467.000)	(12.173.706.300)
- Chuyển lỗ các năm trước (*)	(5.331.782.594)	(715.828.713)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.522	-
Tổng thu nhập tính thuế	10.859.878.791	(4.296.142.144)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.171.975.758	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(9.658.456.002)	(11.830.431.760)

05 - C
3 TY
M HỮU H
EM TOA
SC
M TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

38 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	16.960.386.934	8.317.257.786
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	16.960.386.934	8.317.257.786
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.300.000	50.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	337	165

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	2.099.267.925	16.435.333.569	2.858.976.872	21.393.578.366	-	21.393.578.366
Chi phí hoạt động	2.330.144.562	(4.885.077.953)	731.433.463	(1.823.499.928)	-	(1.823.499.928)
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	61.852.777	-	61.852.777
Chi phí không phân bổ	-	-	-	4.404.123.483	-	4.404.123.483
Kết quả hoạt động	(230.876.637)	21.320.411.522	2.127.543.409	18.874.807.588	-	18.874.807.588
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.456.176.927	103.045.820.304	327.409.912.939	433.911.910.170	-	433.911.910.170
Tài sản không phân bổ	-	-	-	115.820.532.532	-	115.820.532.532
Tổng tài sản	3.456.176.927	103.045.820.304	327.409.912.939	549.732.442.702	-	549.732.442.702
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	5.752.880.833	-	5.752.880.833
Tổng nợ phải trả	-	-	-	5.752.880.833	-	5.752.880.833

Theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9 , Tòa nhà ICON 4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	488.822.462	635.869.999

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét. Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014-TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tên cũ là Bảng cân đối kế toán) và Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn để so sánh với số liệu kỳ này.



Vũ Thị Yên
Người lập



Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016

